

Số: 1763 /TTr-HĐBT

Bỉm Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB điều chỉnh cho các hộ gia đình ảnh hưởng bởi dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa (21 hộ thôn 4).

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Quyết định số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân định vị trí đất nông nghiệp thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Thực hiện Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh cho các hộ gia đình ảnh hưởng bởi dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa (21 hộ thôn 4) số: 283 /KQTDPA-TNMT ngày 20 / 8 /2018 của phòng Tài nguyên &MT thị xã Bỉm Sơn;

Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án trình Chủ tịch UBND Thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB điều chỉnh cho các hộ gia đình ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường

Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa (21 hộ thôn 4), với những nội dung sau:

1. Kinh phí bồi thường hỗ trợ theo tờ trình số 2713/TTr-HĐBT ngày 28/12/2016 là: 838.954.896 đồng.

(Bằng chữ: Tám trăm ba tám triệu, chín trăm năm tư nghìn, tám trăm chín sáu đồng)

Trong đó:

1.1. Kinh phí chi trả trực tiếp: 822.504.800 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 792.857.000 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 29.647.800 đồng

1.2. Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTHT&TĐC 2%: 16.450.096 đồng

2. Kinh phí bồi thường hỗ trợ GPMB sau điều chỉnh là: 838.320.252 đồng.

(Bằng chữ: Tám trăm ba tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn, hai trăm năm hai đồng)

Trong đó:

2.1. Kinh phí chi trả trực tiếp: 821.882.600 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 792.257.750 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 29.624.850 đồng

2.2. Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTHT&TĐC 2%: 16.437.652 đồng

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

3. Lý do điều chỉnh:

Do có sự sai lệch về số hiệu thửa đất và phần diện tích bị ảnh hưởng cần thu hồi đối với hộ gia đình Ông Phạm Văn Sáng bà Tống Thị Mai để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa.

4. Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

5. Bố trí tái định cư: Không.

6. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án trình Chủ tịch UBND Thị xã phê duyệt./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT, HĐBT.

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH



Tống Văn Thọ

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CƯ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng,
Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Tờ trình số 463 /TTr-HDBT ngày 28 / 8 /2018 của HDBHTT&TDC dự án)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Trưởng hợp ảnh hưởng | Địa chỉ thửa đất thu hồi | Diện tích đất thu hồi (m ²) | Số thửa TD | Số tờ TD | Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất | | | | Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu | Tổng tiền |
|-----|---|--------------------------|---|------------|----------|-----------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------|---|------------|
| | | | | | | Bồi thường về đất | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất | Tổng số tiền BT hỗ trợ về đất | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Sáng | Thôn 4 | 63,7 | 17 | 6 | 4.060.800 | 6.091.200 | 0 | 10.152.000 | 388.800 | 10.540.800 |
| 2 | Bà Tống Thị Mai | Thôn 4 | 22,7 | 24 | 9 | 4.051.400 | 6.077.100 | 0 | 10.128.500 | 387.900 | 10.516.400 |
| 3 | Ông Tống Văn Bên | Thôn 4 | 86,2 | 19 | 6 | 23.833.700 | 35.750.550 | 0 | 59.584.250 | 2.281.950 | 61.866.200 |
| 4 | Bà Đỗ Thị Lý | Thôn 4 | 132,4 | 24 | 6 | 18.541.500 | 27.812.250 | 0 | 46.353.750 | 1.775.250 | 48.129.000 |
| 5 | Ông Đỗ Xuân Tài Bà Nguyễn Thị Tuyên Ông Nguyễn Văn Ngải (Con trai: Nguyễn Văn Huân | Thôn 4 | 374,7 | 19 | 7 | 12.746.400 | 19.119.600 | 0 | 31.866.000 | 1.220.400 | 33.086.400 |
| 6 | Con dâu: Nguyễn Thị Ông Đỗ Văn Tuấn Bà Nguyễn Thị Đào | Thôn 4 | 271,2 | 40 | 6 | 1.038.700 | 1.558.050 | 0 | 2.596.750 | 99.450 | 2.696.200 |
| 7 | Ông Dương Quý Thường Bà Nguyễn Thị Tùng | Thôn 4 | 22,1 | 6 | 7 | 18.842.300 | 28.263.450 | 0 | 47.105.750 | 1.804.050 | 48.909.800 |
| 8 | Ông Đỗ Văn Duy Bà Nguyễn Thị Nờn | Thôn 4 | 400,9 | 24 | 7 | 19.237.100 | 28.855.650 | 0 | 48.092.750 | 1.841.850 | 49.934.600 |
| 9 | Ông Nguyễn Tiến Long Bà Nguyễn Thị Cảnh | Thôn 4 | 409,3 | 25 | 7 | 18.297.100 | 27.445.650 | 0 | 45.742.750 | 1.751.850 | 47.494.600 |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|----------------------|--------|-----------------|----|---|--------------------|--------------------|---|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 10 | Bà Ngô Thị Ngân | Thôn 4 | 76,6 | 40 | 7 | 3.600.200 | 5.400.300 | 0 | 9.000.500 | 344.700 | 9.345.200 | |
| 11 | Bà Nguyễn Thị Lan | Thôn 4 | 286,8 | 12 | 8 | 13.479.600 | 20.219.400 | 0 | 33.699.000 | 1.290.600 | 34.989.600 | |
| 12 | Ông Nguyễn Văn Mùng | Thôn 4 | 219,5 | 20 | 8 | 10.316.500 | 15.474.750 | 0 | 27.647.750 | 1.058.850 | 28.706.600 | |
| 13 | Ông Nguyễn Văn Thái | Thôn 4 | 15,8 | 21 | 9 | 742.600 | 1.113.900 | 0 | 1.962.250 | 75.150 | 2.037.400 | |
| 14 | Ông Nguyễn Văn Kế | Thôn 4 | 16,7 | 30 | 8 | 784.900 | 1.177.350 | 0 | 1.962.250 | 75.150 | 2.037.400 | |
| 15 | Bà Nguyễn Thị Phương | Thôn 4 | 613,9 | 6 | 9 | 28.853.300 | 43.279.950 | 0 | 72.133.250 | 2.762.550 | 74.895.800 | |
| 16 | Bà Vũ Thị Yên | Thôn 4 | 426,5 | 7 | 9 | 20.045.500 | 30.068.250 | 0 | 59.473.750 | 1.919.250 | 61.393.000 | |
| 17 | Ông Trương Văn Thuận | Thôn 4 | 292,1 | 8 | 9 | 13.728.700 | 20.593.050 | 0 | 34.321.750 | 1.314.450 | 35.636.200 | |
| 18 | Ông Đỗ Văn Tú | Thôn 4 | 23 | 12 | 9 | 1.081.000 | 1.621.500 | 0 | 2.702.500 | 103.500 | 2.806.000 | |
| 19 | Bà Lê Thị Sâm | Thôn 4 | 225,9 | 41 | 7 | 10.617.300 | 15.925.950 | 0 | 26.543.250 | 1.016.550 | 27.559.800 | |
| 20 | Ông Phạm Văn Nga | Thôn 4 | 325,9 | 18 | 8 | 52.372.100 | 78.558.150 | 0 | 140.290.250 | 5.014.350 | 145.304.600 | |
| 21 | Ông Dương Xuyên | Thôn 4 | 788,4 | 20 | 9 | 52.372.100 | 78.558.150 | 0 | 140.290.250 | 5.014.350 | 145.304.600 | |
| 22 | Ông Trịnh Xuân Dương | Thôn 4 | 289 | 34 | 7 | 13.583.000 | 20.374.500 | 0 | 33.957.500 | 1.300.500 | 35.258.000 | |
| 23 | Bà Đỗ Thị Tùng | Thôn 4 | 416,2 | 5 | 9 | 19.561.400 | 29.342.100 | 0 | 48.903.500 | 1.872.900 | 50.776.400 | |
| 24 | Bà Tống Thị Huyền | Thôn 4 | 6.583,30 | 5 | 9 | 309.415.100 | 464.122.650 | 0 | 792.257.750 | 29.624.850 | 821.882.600 | |
| Cộng | | | 6.583,30 | | | 309.415.100 | 464.122.650 | | 18.720.000 | 792.257.750 | 29.624.850 | 821.882.600 |
| Chi phí tổ chức thực hiện công tác BHYT&TPDC 2%: | | | | | | | | | | | 16.437.652 | |
| Tổng Cộng | | | | | | | | | | | 838.320.252 | |

(Bảng chữ: Tám trăm ba tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn, hai trăm năm hai đồng)./.